

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

-----***-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Bản án số: 33/2019/HC-PT

Ngày: 25/02/2019

*V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;

Ông Đinh Ngọc Huân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính Thụ lý số 320/2018/TLPT-HC ngày 25 tháng 9 năm 2018, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HCST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1213/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông Đinh Ngọc K ; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Đinh Ngọc M ; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

3. Ông Đinh Ngọc L ; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông Đinh Ngọc N ; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà Nguyễn Thị L ; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của ông L, ông N, bà L: Ông Đinh Ngọc K và ông Đinh Ngọc M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đinh Ngọc K : Luật sư Nguyễn Thị N và luật sư Đoàn Thị Huỳnh H – Công ty luật TNHH MTV Nguyễn Thị N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; đều có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện T , thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Đường Đ, thị trấn N, huyện T , thành phố Hải Phòng.

Đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Bùi Doãn N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T , thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì người khởi kiện và đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Năm 1993, bố đẻ ông K là cụ Đinh Ngọc L có ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã L , huyện T , Hải Phòng để nhận khoán 29 ha đầm N để nuôi trồng thủy sản, thời hạn 05 năm, được gia hạn thêm 02 năm. Sau khi thanh lý hợp đồng, ngày 01 tháng 01 năm 2007, Ủy ban nhân dân xã lại ký hợp đồng tiếp với em trai ông K là ông Đinh Ngọc T (thời điểm này cụ L đã chết). Gia đình ông K cùng các hộ ông T, ông M, ông L và ông N đã chung nhau canh tác đầm từ năm 1993 đến nay đầu tư công sức, tiền của để cải tạo đầm và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Đến năm 2010, Ủy ban nhân dân xã L thanh lý hợp đồng thu hồi đầm nhưng không cho gia đình ông thuê tiếp mà chia nhỏ đầm thành nhiều phần giao cho các hộ khác thuê, không ra văn bản thu hồi, không kiểm kê tài sản, hoa màu mà năm hộ gia đình đã đầu tư trên khu đầm để bồi thường theo qui định.

Từ nhiều năm nay, cả năm gia đình đã khiếu nại đến nhiều cơ quan chức năng tại địa phương và trung ương nhưng không được giải quyết dứt điểm. Trong khi thiệt hại về tài sản chưa được đền bù và chưa được ký tiếp hợp đồng thuê 8,2 ha đầm còn lại để nuôi trồng thủy sản, thì Ủy ban nhân dân huyện T lại ban hành Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 với nội dung: “... Đồng ý về chủ trương cho ông Đinh Ngọc K được ký Hợp đồng nuôi trồng thủy sản có tính đến việc chia tách cho từng thành viên của tổ đầm (5 thành viên) cùng đầu tư nuôi trồng thủy sản trên phần diện tích 8,2 ha...mức giá đấu thầu sẽ xem xét tổng giá trị đầu tư của gia đình ông K vào diện tích đầm trong nhiều năm qua, căn cứ chính

sách về miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp để cân đối, giảm trừ các khoản thực hiện nghĩa vụ tài chính cho ông K Phòng TN&MT chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi 8,2 ha đầm N theo kết luận số 4133/KL-UBND ngày 12/6/2014 của UBND thành phố Hải Phòng...”. Với nội dung này thì không biết đến bao giờ 05 (năm) gia đình chúng tôi mới được ký kết hợp đồng thuê đầm, nuôi trồng thủy sản.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện T còn yêu cầu truy thu tiền thuê 8,2 ha đầm từ năm 2011 đến hết năm 2015 với giá thuê đất 100.000.000 đồng/ha/5 năm là không thỏa đáng. Vì trong thời gian đó các gia đình phải liên tục khiếu kiện đến các cấp chính quyền của thành phố Hải Phòng và Trung ương để đòi bồi thường thiệt hại như đã nêu trên, không tập trung vào sản xuất nuôi trồng thủy sản được, sản phẩm thu hoạch chỉ có do tự nhiên, nên sản lượng rất thấp, chỉ đảm bảo cuộc sống hằng ngày.

Do đó, người khởi kiện có các yêu cầu như sau:

+ Huỷ Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện T.

+ Bồi thường thiệt hại tài sản đã đầu tư trên đầm N của năm gia đình là 1.518.838.969 đồng, trong đó thiệt hại của ông Đinh Ngọc K là 615.864.000 đồng, của ông Đinh Ngọc M là 125.965.000 đồng, của bà Nguyễn Thị L (bao gồm cả thiệt hại của ông Đinh Ngọc T và ông Đinh Ngọc N) là 641.739.969 đồng, của ông Đinh Ngọc L là 135.270.000 đồng.

+ Triển khai ký hợp đồng thuê đầm nuôi trồng thủy sản cho năm gia đình đối với 8,2 ha đầm còn lại và không truy thu số tiền thuê đầm từ năm 2011 đến năm 2015 với số tiền 100.000.000 đồng/ha/5 năm đối với năm hộ gia đình.

- *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng:*

+ Gia đình ông Đinh Ngọc K đã nhận giao khoán đầm N từ năm 1993 đến năm 2011 để canh tác nuôi trồng thủy sản và đóng đầy đủ nghĩa vụ thuế cho Nhà nước. Nhưng khi thu hồi đất, chính quyền địa phương đã không ban hành văn bản thu hồi, không kiểm kê tài sản đã tạo lập trên đất để bồi thường theo quy định mặc dù gia đình ông K là gia đình có công với cách mạng. Khi ông K và các hộ dân liên quan khiếu nại thì Ủy ban nhân dân huyện T lại ban hành Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 yêu cầu họ rút mọi khiếu kiện trong khi các quyền lợi về kinh tế, danh dự mà họ đang đề nghị chưa được giải quyết.

+ Trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2016 họ không được ký hợp đồng giao thuê đầm nhưng chính quyền lại yêu cầu truy thu 100 triệu đồng/ha/5 năm x 8,2 ha là không có cơ sở.

+ Ủy ban nhân dân huyện ban hành Thông báo 157/TB-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2016 thay thế Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 nhưng không giao cho năm hộ dân, đến ngày 03 tháng 5 năm 2018 họ mới được biết. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện rõ điều này nên Thông báo 157/TB-UBND không có giá trị thi hành.

+ Không đủ căn cứ xác định ông K đã thanh lý xong hợp đồng giao khoán đầm N với Ủy ban nhân dân xã L .

Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Đầm N hình thành do công sức của xã viên Hợp tác xã Nông nghiệp L đào vùng đắp bờ, sau đó được bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân xã L quản lý theo qui định của Luật Đất đai. Năm 1993 Ủy ban nhân dân xã L ký hợp đồng với cụ Lục (bố ông K) giao khoán 29 ha đầm Nam Triệu, thời hạn 05 năm, được gia hạn thêm 02 năm. Sau khi hai bên thanh lý hợp đồng này, ngày 01 tháng 01 năm 2007 Ủy ban nhân dân xã lại ký Hợp đồng số 04 với em trai ông K là ông Đình Ngọc T , thời hạn 03 năm. Đến năm 2010, Ủy ban nhân dân xã L đã thanh lý hợp đồng thuê đầm của năm gia đình và chủ trương chia nhỏ đầm N để cho thuê nhằm tăng hiệu quả kinh tế. Kết quả đấu thầu do Ủy ban nhân dân xã tiến hành công khai với mức trúng thầu thuê đầm là 151 triệu đồng/ha/5 năm. Tuy nhiên, gia đình ông K (lúc này ông T đã chết) không chịu ký hợp đồng thuê theo mức giá đấu thầu công khai và vẫn chiếm giữ 8,2 ha đầm cho đến nay, mặc dù đã ký vào văn bản thanh lý hợp đồng cũ.

+ Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại: Trong hợp đồng ký với gia đình ông K thì tài sản trên đầm đã có sẵn, các hộ chỉ việc khai thác, sản xuất, không được phép xây dựng các công trình trên khu vực đầm nếu không được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã. Nếu ông K tự ý xây dựng công trình thì khi thanh lý hết hạn hợp đồng cũng không được bồi thường. Khi hết hạn hợp đồng thì tiến hành thanh lý theo thỏa thuận, không tính đến tài sản mà bên thuê đã tạo lập vì mức giao khoán đã bao gồm tính cả công cải tạo, nếu không trừ công cải tạo thì mức giao khoán sẽ cao hơn.

Mặt khác, các hộ gia đình đã ký vào văn bản thanh lý hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã.

+ Đối với Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện T thực hiện theo Luật Tiếp công dân và đã thay thế bằng Thông báo số 157/TB-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2016 có nội dung không thay đổi và đã mời ông K lên làm việc và nhận văn bản nhưng ông K không đến. Nội dung các Thông báo trên đã đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông K và các hộ dân.

+ Về việc tiếp tục thực hiện đấu thầu: Ủy ban nhân dân xã đang tiến hành cho gia đình ông K ký thuê tiếp 8,2 ha đầm, nhưng do ông K khởi kiện nên phải dừng lại. Việc chia nhỏ đầm là theo chủ trương chung, để tạo hiệu quả cao hơn, gia đình ông K đã được địa phương ưu tiên giao cho mức giá thấp hơn người khác nhưng không đồng ý mà vẫn cố tình không giao lại 8,2 ha đầm. Vấn đề này thì Ủy ban nhân dân xã L và Ủy ban nhân dân huyện đã có ý kiến chỉ đạo giao cho Ủy ban nhân dân xã L thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện T khẳng định đã làm đúng qui định của pháp luật, yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HCST ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 7; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2005; các điều 703, 704, 705, 706, 707, 708, 711, 713 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Ngọc K, ông Đinh Ngọc M, ông Đinh Ngọc L, ông Đinh Ngọc N và bà Nguyễn Thị L về việc:

- Huỷ Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện T, Hải Phòng.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng triển khai ký hợp đồng thuê đầm nuôi trồng thủy sản cho năm gia đình đối với 8,2 ha đầm còn lại và không truy thu số tiền thuê đầm từ năm 2011 đến năm 2015 với số tiền 100.000.000 đồng/ha/5 năm đối với năm hộ gia đình.

2. Tách yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của người khởi kiện khỏi vụ án; dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho các đương sự nếu có yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 8 năm 2018, người khởi kiện là ông Đinh Ngọc K , ông Đinh Ngọc M , ông Đinh Ngọc L , ông Đinh Ngọc N , bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Đinh Ngọc K , ông Đinh Ngọc M đại diện cho 3 người khởi kiện nữa trong vụ án đều không rút đơn kháng cáo mà giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân xã L , huyện T, Hải Phòng giải quyết bồi thường công sức và tài sản gắn liền với đất đối với 21 ha đầm N từ 1999 đến nay theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân xã L cho ông và 4 hộ khác được ký hợp đồng 8,2 ha để tiếp tục nuôi trồng thủy sản và không truy thu tiền thuê đầm từ năm 2011 – 2015 với số tiền 100 triệu/ha/5 năm của cả 5 hộ gia đình.

- Đề nghị bác bỏ Thông báo số 154/UBND ngày 18/8/2016 của Ủy ban nhân dân huyện T và không chấp nhận việc Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tách phần bồi thường thiệt hại để gia đình ông K khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Đinh Ngọc K , ông Đinh Ngọc M , thì đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không xuất trình được tình tiết - chứng cứ mới để chứng minh nội dung kháng cáo của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của những người khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm; nghe trình bày của các đương sự là người khởi kiện, người đại diện của người khởi kiện, quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và các qui định của pháp luật về giải quyết vụ án hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM:

- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính, nên đã tiến hành thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo qui định tại các Điều 30, Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét thấy năm 2007 Ủy ban nhân dân xã L ký hợp đồng giao khoán diện tích 29 ha đất Nam Triệu cho ông Đinh Ngọc T (em trai ông K) để sử dụng và nuôi trồng thủy sản kể từ ngày 01-01-2007 đến ngày 01-01-2011 là 04 năm. Hết thời hạn Ủy ban nhân dân xã L và ông Đinh Ngọc T thống nhất thanh lý hợp đồng, các hộ dân đã tiến hành thu hoạch cây cối, hoa màu, sản phẩm thủy sản, tháo dỡ vật liệu kiến trúc và bàn giao mặt bằng diện tích đầm N cho Ủy ban nhân dân xã. Sau khi thanh lý xong hợp đồng, Ủy ban nhân dân xã L tiến hành chia nhỏ đầm N thành 20 lô và tổ chức đấu thầu, ký hợp đồng mới cho một số hộ dân sử dụng để

nuôi trồng thủy sản; còn lại diện tích 8,2 ha vẫn do tổ đàm của ông Đinh Ngọc K quản lý sử dụng. Quá trình triển khai thực hiện các đương sự không có ý kiến gì về vấn đề này. Sau khi trúng thầu, các hộ đã ký thời hạn 5 năm và đi vào sản xuất ổn định dần. Riêng diện tích 8,2 ha đàm mà năm hộ dân lao động do ông K tạm thời quản lý thì không đấu giá được. Mặc dù, Ủy ban nhân dân xã L đã đồng ý về chủ trương cho ông K được đại diện cho 04 hộ còn lại ký hợp đồng nhận thầu trên diện tích 8,2 ha với mức giá thấp hơn các hộ trúng thầu khác (chỉ với mức giá 20 triệu đồng/ha/5 năm, nhưng ông K vẫn không đồng ý và nêu lý do là chính quyền thu hồi 21 ha đàm để giao lại cho một số hộ gia đình khác, nhưng chưa xem xét bồi thường đối với các tài sản mà 05 hộ dân đã đầu tư, xây dựng trên diện tích đó.

Tại các biên bản làm việc ngày 07-9-2010 và ngày 31-12-2010 cả 5 gia đình đều đã thống nhất ký vào biên bản thanh lý hợp đồng đấu thầu N và tiến hành bàn giao lại đàm cho Ủy ban nhân dân xã trước ngày 01-01-2011 mà không hề có bất kỳ ý kiến gì. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp luật để khẳng định: Hợp đồng giao khoán đàm N giữa 2 bên đã hết thời hạn và đã được 2 bên thỏa thuận chấm dứt là phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 tại các Điều 703, 704 và 713.

Đối với Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18-8-2016 của Ủy ban nhân dân huyện T có nội dung “Đồng ý cho 05 hộ dân được tiếp tục ký hợp đồng trên diện tích 8,2 ha đàm còn lại và có sự xem xét về chính sách miễn giảm thuế để đối trừ nghĩa vụ tài chính. Khi tiến hành thu hồi 8,2 ha đàm còn lại để tính giá thuê đàm cho hợp lý; đồng thời đề nghị ông K rút lại các khiếu nại. Như vậy, xét nội dung Thông báo số 154 chỉ mang tính chỉ đạo và định hướng cho ông K lựa chọn, quyết định trong việc ký hợp đồng mà không thể coi thông báo này đã xâm phạm đến quyền lợi và lợi ích của ông K; Hơn nữa, chỉ một ngày sau khi ban hành Thông báo số 154 thì Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành tiếp Thông báo số 157 ngày 19-8-2016 để thay thế Thông báo số 154. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Về nội dung thì cơ bản 02 Thông báo này đều có nội dung giống nhau, nên người khởi kiện đề nghị hủy bỏ Thông báo số 154 ngày 18-8-2016 của Ủy ban nhân dân huyện T, Hải Phòng là không có căn cứ để chấp nhận và là không cần thiết.

Về nội dung kháng cáo của người khởi kiện: Đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường về tài sản đã đầu tư trên diện tích đàm N của 05 hộ gia đình với tổng số tiền 1.518.838.969 đồng, trong đó ông K thiệt hại 615.864.000 đồng, ông Đinh Ngọc M thiệt hại 125.965.000 đồng, bà Nguyễn Thị L thiệt hại 641.739.969 đồng (bao gồm của ông Đinh Ngọc T và ông Đinh Ngọc N), ông Đinh Ngọc L thiệt hại 135.270.000 đồng. Hợp đồng giao khoán đàm N là có thời hạn, nên theo quy định của Luật Đất đai thì người sử dụng đất không được bồi thường sau khi đã hết thời hạn thuê; đối với tài sản đầu tư trên đất thì nếu không được bên A (bên cho thuê) đồng ý như đã ghi rõ trong hợp đồng; hơn nữa, giữa 2 bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng và xét việc giải quyết tranh chấp hậu quả thanh lý hợp đồng giao khoán đàm N, giữa Ủy ban nhân dân xã L và Tổ đàm của ông Đinh Ngọc K là quan hệ về

hợp đồng dân sự, vì ông K và 04 hộ gia đình khác ký hợp đồng với Ủy ban nhân dân xã L, nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân huyện T; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu bồi thường về tài sản mà giành quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác, nếu các đương sự có yêu cầu là đúng quy định của pháp luật.

Về việc người khởi kiện đề nghị: Ủy ban nhân dân huyện T phải triển khai việc ký kết hợp đồng thuê đầm nuôi trồng thủy sản cho 5 hộ gia đình trên diện tích 8,2 ha đầm còn lại và đề nghị không truy thu số tiền các hộ đã thuê đầm từ năm 2011 đến năm 2015 đối với cả 5 gia đình của người khởi kiện trong vụ án. Tòa án cấp phúc thẩm thấy: Việc có tiếp tục ký hợp đồng thuê đầm nuôi trồng thủy sản cho 5 gia đình trên diện tích 8,2 ha đầm còn lại, cũng như việc có truy thu số tiền thuê đầm kể từ năm 2011 đến năm 2015 hay không là quyền của Ủy ban nhân dân xã L, và cũng là nguyện vọng và thiện chí của các đương sự nữa, vì trong hồ sơ vụ án thể hiện Ủy ban nhân dân xã L luôn luôn có chủ trương cho 05 hộ gia đình nêu trên được nhận thầu trở lại và trên thực tế thì 05 hộ gia đình này vẫn đang chiếm giữ, quản lý sử dụng đối với 8,2 ha đầm nuôi trồng thủy sản.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ pháp luật để chấp nhận các yêu cầu của những người khởi kiện, người kháng cáo, mà cần giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, vì Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã giải quyết vụ án đúng qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, Pháp lệnh án phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Đinh Ngọc K, ông Đinh Ngọc M, ông Đinh Ngọc L, ông Đinh Ngọc N, bà Nguyễn Thị L.

2. Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2018/HC-ST ngày 31-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Ngọc K, ông Đinh Ngọc M, ông Đinh Ngọc L, ông Đinh Ngọc N và bà Nguyễn Thị L về việc:

+ Hủy Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2016 Ủy ban nhân dân huyện T.

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng triển khai ký hợp đồng thuê đầm nuôi trồng thủy sản cho năm gia đình đối với 8,2 ha đầm còn lại và không truy thu số tiền thuê đầm từ năm 2011 đến năm 2015 với số tiền 100.000.0000 đồng/ha/5 năm đối với năm hộ gia đình.

- Tách yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của người khởi kiện khỏi vụ án; dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác cho các đương sự nếu có yêu cầu.

3. Về án phí: Ông Đinh Ngọc K , ông Đinh Ngọc M , ông Đinh Ngọc L , ông Đinh Ngọc N và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng (được đối trừ số tiền 300.000 đồng ông Đinh Ngọc K , ông Đinh Ngọc M , ông Đinh Ngọc L , ông Đinh Ngọc N , bà Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tương ứng tại các biên lai số 0010836, 0010837, 0010838, 0010839, 0010840, cùng ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Ngọc Huân

Võ Hồng Sơn

Nguyễn Xuân Hùng

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA; HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Hùng